

Số: 640/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Dự án: Vườn hoa Ba Tơ, thị xã Quảng Ngãi (giai đoạn I)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

| | |
|--------------------------------------|--------------------|
| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI | |
| CV ĐẾN | Số:.....2882..... |
| | Ngày: 08/5/13..... |
| | Chuyên:..... |

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 của Chính phủ; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án vườn hoa Ba Tơ;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-CT ngày 02/3/2004 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh dự án vườn hoa Ba Tơ (giai đoạn I);

Xét đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Công văn số 533/UBND ngày 12/4/2013 về việc đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án: vườn hoa Ba Tơ, thị xã Quảng Ngãi (giai đoạn I); trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 48/BC-STC-ĐT ngày 17/4/2013 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Vườn hoa Ba Tơ, thị xã Quảng Ngãi (giai đoạn I);
- Chủ đầu tư: UBND thị xã Quảng Ngãi nay là UBND thành phố Quảng Ngãi;
- Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng thành phố Quảng Ngãi;
- Địa điểm xây dựng: Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi;
- Thời gian khởi công tháng 02/2000- hoàn thành tháng 03/2006.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1 . Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn vốn | Được duyệt | Thực hiện | |
|----------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | | Đã thanh toán | Còn được thanh toán |
| Tổng số | 5.901.182.000 | 6.057.034.000 | - 155.852.000 |
| - Vốn NS tỉnh | 5.901.182.000 | 6.057.034.000 | - 155.852.000 |

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Dự toán | Giá trị quyết toán |
|-----------------|----------------------|----------------------|
| Tổng số | 6.680.009.192 | 5.901.182.000 |
| - Xây dựng | 3.526.339.489 | 2.981.483.000 |
| - Đền bù GPMB | 2.921.210.000 | 2.724.192.000 |
| - Quản lý dự án | 41.036.828 | 37.998.000 |
| - Tư vấn | 141.719.889 | 108.594.000 |
| - Chi khác | 49.702.986 | 48.915.000 |
| - Dự phòng chi | 0 | 0 |

3 . Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

4 . Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý | | Công trình giao đơn vị khác quản lý | |
|--------------------|-------------------------------------|----------|-------------------------------------|----------|
| | Thực tế | Quy đổi | Thực tế | Quy đổi |
| Tổng số | 5.901.182.000 | 0 | 0 | 0 |
| - Tài sản cố định | 5.901.182.000 | 0 | 0 | 0 |
| - Tài sản lưu động | 0 | 0 | 0 | 0 |

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

| Nguồn vốn | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|----------------|----------------------|---------|
| Tổng số | 5.901.182.000 | |
| - Vốn NS tỉnh | 5.901.182.000 | |

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 12/4/2013 là:

Trong đó: - Nợ phải thu: - 279.794.000 đồng
 - Nợ phải trả: + 123.942.000 đồng

+ Nguồn vốn bố trí trả nợ cho dự án: Trích từ nguồn thanh toán vượt 123.942.000 đồng thanh toán công nợ, số tiền còn lại nộp vào ngân sách nhà nước 155.852.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số II kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản cố định (đồng) | Tài sản lưu động (đồng) |
|------------------------------|------------------------|-------------------------|
| UBND thành phố Quảng Ngãi | 5.901.182.000 | 0 |

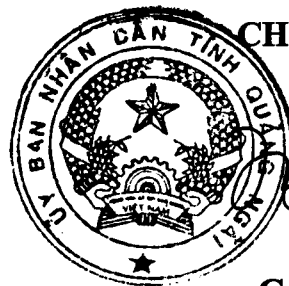
3. UBND thành phố Quảng Ngãi có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 48/BC-STC-ĐT ngày 17/4/2013 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, UBND thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: C, PVP(CN), CB;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.171



CHỦ TỊCH

Cao Khoa


PHỤ LỤC SỐ I
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
Dự án Vườn hồ Đa Tư, thị xã Quảng Ngãi (giai đoạn 1)
 (Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND, ngày 08/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | CƠ CẤU | Giá trị dự toán được phê duyệt | Giá trị Chủ đầu tư tỉnh | Giá trị quyết toán | Tăng (+), giảm (-) so với dự toán | Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị |
|------------|--|--------------------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| I | Chi phí xây dựng | 3,526,339,489 | 2,981,483,000 | 2,981,483,000 | -544,856,489 | 0 |
| 1 | Gói thầu số 1 (San nền, tường rào, công nghệ) | 2,287,798,987 | 1,869,268,000 | 1,869,268,000 | -418,530,987 | 0 |
| | Giá trị được duyệt ban đầu | 2,096,135,407 | 1,697,758,000 | 1,697,758,000 | -398,377,407 | 0 |
| | Phát sinh | 191,663,580 | 171,510,000 | 171,510,000 | -20,153,580 | 0 |
| 2 | Gói thầu số 2 (hệ thống cấp, thoát nước và biểu tượng) | 1,238,540,502 | 1,112,215,000 | 1,112,215,000 | -126,325,502 | 0 |
| | Giá trị được duyệt ban đầu | 1,003,045,299 | 923,814,000 | 923,814,000 | -79,231,299 | 0 |
| | Phát sinh | 235,495,203 | 188,401,000 | 188,401,000 | -47,094,203 | 0 |
| II | Đền bù GPMB | 2,921,210,000 | 2,726,192,000 | 2,724,192,000 | -197,018,000 | -2,000,000 |
| 1 | Đền bù trực tiếp | 2,692,819,880 | 2,600,840,000 | 2,600,840,000 | -91,979,880 | 0 |
| 2 | Phục vụ đền bù | 108,032,205 | 109,934,000 | 107,934,000 | -98,205 | -2,000,000 |
| 3 | Thẩm định phương án BT | 8,084,563 | 8,084,000 | 8,084,000 | -563 | 0 |
| 4 | Đo đạc bản đồ địa chính | 9,900,000 | 7,334,000 | 7,334,000 | -2,566,000 | 0 |
| 5 | Dự phòng | 102,373,352 | 0 | 0 | -102,373,352 | 0 |
| III | Chi phí QLDA | 41,036,828 | 37,998,000 | 37,998,000 | -3,038,828 | 0 |
| IV | Chi phí tư vấn và ĐT XD | 141,719,889 | 115,839,000 | 108,594,000 | -33,125,889 | -7,245,000 |
| 1 | Khảo sát, lập dự án | 43,244,000 | 42,824,000 | 42,824,000 | -420,000 | 0 |
| 2 | Khảo sát, thiết kế phí và tổng dự toán | 49,670,524 | 44,670,000 | 38,419,000 | -11,251,524 | -6,251,000 |
| 3 | Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu | 8,367,470 | 5,879,000 | 4,885,000 | -3,482,470 | -994,000 |
| 4 | Giám sát thi công | 40,437,895 | 22,466,000 | 22,466,000 | -17,971,895 | 0 |
| V | Chi khác | 49,702,986 | 38,811,000 | 48,915,000 | -787,986 | 10,104,000 |
| 1 | Thẩm định thiết kế và lập TDT | 6,521,759 | 5,503,000 | 5,503,000 | -1,018,759 | 0 |
| 2 | Thẩm định dự án | 1,382,186 | 1,382,000 | 1,382,000 | -186 | 0 |
| 3 | Đánh giá tác động môi trường | 25,340,084 | 25,340,000 | 25,340,000 | -84 | 0 |
| 4 | Bảo hiểm công trình | 9,872,533 | 0 | 0 | -9,872,533 | 0 |
| 5 | Thẩm tra phê duyệt quyết toán | 6,586,424 | 6,586,000 | 16,690,000 | 10,103,576 | 10,104,000 |
| VI | Dự phòng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 6,680,009,192 | 5,900,323,000 | 5,901,182,000 | -778,827,192 | 859,000 |

PHỤ LỤC SỐ II

BẢNG CÔNG NỢ

Dự án: Phân bổ vốn đầu tư thị xã Quảng Ngãi (giai đoạn 1)

(Kèm theo Quyết định số 470/QĐ-UBND, ngày 08/15/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)



| STT | Đơn vị | Số quyết toán | Số thanh toán | Công nợ | | |
|-----|--|--|----------------------|-----------------------|---------------------|---------------------|
| | | | | Phải thu | Phải trả | |
| I | Xây dựng | 2,981,483,000 | 3,189,390,000 | -278,122,000 | 70,215,000 | |
| 1 | Công ty Cổ phần 20/7 | Gói thầu số 1 (San nền, tường rào, công ngõ) | 1,869,268,000 | 2,147,390,000 | -278,122,000 | 0 |
| 2 | | Gói thầu số 2 (hệ thống cấp, thoát nước và biểu tượng) | 1,112,215,000 | 1,042,000,000 | 0 | 70,215,000 |
| II | Đền bù GPMB | 2,724,192,000 | 2,702,360,000 | 0 | 21,832,000 | |
| 1 | BQL các dự án ĐT&XD thành phố Q. Ngãi | Đền bù trực tiếp | 2,600,840,000 | 2,594,691,000 | 0 | 6,149,000 |
| 2 | | Phục vụ đền bù | 107,934,000 | 92,251,000 | 0 | 15,683,000 |
| 3 | Trung tâm kỹ thuật đo đạc địa chính | Đo vẽ bản đồ địa chính | 7,334,000 | 7,334,000 | 0 | 0 |
| 4 | Sở Tài chính | Thẩm định PABT | 8,084,000 | 8,084,000 | 0 | 0 |
| III | BQL các dự án ĐT&XD thành phố Q. Ngãi | Chi phí quản lý dự án | 37,998,000 | 37,732,000 | 0 | 266,000 |
| IV | Chi phí TV đầu tư xây dựng | | 108,594,000 | 104,667,000 | -1,672,000 | 5,599,000 |
| 1 | Cty tư vấn xây dựng Quảng Ngãi | Khảo sát, lập dự án + thiết kế hạng mục san nền | 49,908,000 | 51,580,000 | -1,672,000 | 0 |
| 3 | Cty tư vấn đầu tư và xây dựng (thuộc tổng công ty xây dựng miền trung) | Khảo sát, thiết kế tường rào, công chính, công phụ, biểu tượng và cấp thoát nước | 31,335,000 | 31,335,000 | 0 | 0 |
| 4 | Cty tư vấn xây dựng Quảng Ngãi | Lập hồ sơ mời thầu | 4,885,000 | 4,885,000 | 0 | 0 |
| 5 | BQL các dự án ĐT&XD thành phố Q. Ngãi | Giám sát thi công | 22,466,000 | 16,867,000 | 0 | 5,599,000 |
| V | Chi phí khác | | 48,915,000 | 22,885,000 | 0 | 26,030,000 |
| 1 | Sở Kế hoạch và Đầu tư Q. Ngãi | Thẩm định dự án | 1,382,000 | 1,382,000 | 0 | 0 |
| 2 | Sở Xây dựng | Thẩm định thiết kế và lập TDT | 5,503,000 | 5,503,000 | 0 | 0 |
| 3 | Cty Phát triển công nghệ và đầu tư Đà Nẵng | Đánh giá tác động môi trường | 25,340,000 | 16,000,000 | 0 | 9,340,000 |
| 4 | Chi phí thẩm tra Quyết toán | Sở Tài chính Quảng Ngãi | 16,690,000 | 0 | 0 | 16,690,000 |
| VI | Tổng cộng | | 5,901,182,000 | 6,057,034,000 | -279,794,000 | 123,942,000 |
| | | | | Bù trừ công nợ | | -155,852,000 |